

GETTING STARTED

(SGK tiếng Anh 11 trang 6)

1. Listen and read

(Hãy nghe và đọc.)

Ms Hoa: Now, Group 2, how are your preparations going? Is your topic global warming?

Lan: Yes, it is. We've already decided on the main points to talk about and agreed on the presentation outline. Having planned the content, we're now looking for supporting information.

Ms Hoa: Sounds good.

Minh: First, we'll talk about causes such as greenhouse gas emissions from factories and vehicles.

Mai: There are also other causes, like the use of chemical fertilisers and deforestation. Global warming is man-made!

Minh: Man-made?

Ms Hoa: That's right. In the past, a lot of industries denied having contributed to global warming, but nowadays most people admit we are all responsible.

Minh: I see. Then we'll focus on the effects of global warming on people's health and life on Earth in general.

Mai: Yes. Having treated the environment irresponsibly, humans now have to suffer the effects of global warming. Do you agree, Lan?

Lan: Yes. Global warming leads to climate change, allowing for some infectious diseases to spread more easily. We should also make it clear how global warming contributes to heat-related illnesses and death.

Mai: It also has severe impact on water supplies, threatens food production and upsets ecological balance.

Ms Hoa: These are all excellent points. Have you come up with any solutions?

Lan: Yes. Ms Hoa. We'll point out how people can change their daily habits to reduce their carbon footprint.

Ms Hoa: That's great. Now, go through all your points again and decide who in your group will present each part.

Lan, Minh, and Mai: Thanks for your help, Ms Hoa.

Hướng dẫn dịch:

***Cô Hoa:** Nào, Nhóm 2. Các em chuẩn bị đến đâu rồi? Có phải chủ đề của các em là sự nóng lên của toàn cầu không?*

***Lan:** Vâng, thưa cô. Chúng em đã quyết định đưa ra những ý chính để thảo luận và nhất trí với cách trình bày trực tuyến. Đã bàn xong về nội dung, giờ chúng em tìm kiếm thông tin hỗ trợ.*

***Cô Hoa:** Tốt.*

***Minh:** Trước hết, chúng em sẽ trình bày các nguyên nhân gây nên hiện tượng này như sự phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính từ nhà máy hay xe cộ.*

***Mai:** Còn có các nguyên nhân khác nữa như việc sử dụng phân bón hóa học và nạn phá rừng. Sự nóng lên của toàn cầu là hành động do con người gây ra.*

***Minh:** Do con người?*

***Cô Hoa:** Đúng thế! Trước đây nhiều ngành công nghiệp đã chối bỏ việc góp phần tạo nên hiện tượng trái đất nóng lên. Nhưng giờ đây hầu hết mọi người đã thừa nhận tất cả chúng ta đều phải có trách nhiệm.*

***Minh:** Em hiểu rồi. Vậy chúng ta sẽ tập trung đến các ảnh hưởng của sự nóng lên toàn cầu đến sức khỏe con người và đời sống trên trái đất nói chung.*

Mai: Đúng. Đối xử với môi trường thiếu trách nhiệm, giờ đây con người phải hứng chịu tác động của hiện tượng nóng lên toàn cầu. Bạn có đồng ý thế không Lan ?

Lan: Mình đồng ý. Hiện tượng nóng lên toàn cầu làm khí hậu biến đổi, cho phép bệnh truyền nhiễm lây lan dễ dàng hơn. Chúng ta cũng nên làm rõ quá trình gây nên các bệnh liên quan đến sức nóng dưới tác động của hiện tượng này.

Mai: Nó cũng ảnh hưởng nghiêm trọng đến các nguồn cung cấp nước, đe dọa sản xuất lương thực và gây xáo trộn cân bằng sinh thái.

Cô Hoa: Những ý này rất hay. Các em đã tìm ra được giải pháp nào chưa?

Lan: Dạ có, thưa cô Hoa. Chúng em sẽ đề cập đến việc thay đổi các thói quen hàng ngày để giảm bớt lượng khí thải carbon.

Cô Hoa: Tốt lắm. Bây giờ các hãy điểm lại tất cả các ý chính và quyết định người thay mặt nhóm trình bày mỗi phần.

Lan, Minh, và Mai: Xin cảm ơn cô Hoa đã giúp đỡ chúng em.

2. Answer the questions.

(Trả lời câu hỏi)

Lời giải chi tiết:

1. What is the topic of Lan, Mai and Minh's presentation?

(Chủ đề thuyết trình của nhóm Lan, Mai và Minh là gì)

=> The topic of their presentation is Global Warming

(Chủ đề thuyết trình của họ là Nóng lên toàn cầu)

2. How many main parts do they intend to include in their presentation? What are they?

(Có bao nhiêu phần họ định đưa và trong bài thuyết trình? Đó là phần nào?)

=> There are three parts that they intend to include in their presentation namely the causes, the effects and the solutions.

(Có 3 phần họ định đưa vào bài thuyết trình của mình đó là nguyên nhân, ảnh hưởng và giải pháp)

3. What causes of global warming are mentioned in the conversation?

(Những nguyên nhân gì của hiện tượng nóng lên toàn cầu được đề cập đến trong bài?)

=> Greenhouse gas from factories and vehicles, use of chemical fertilizers and deforestation

(Phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính từ các nhà máy và xe cộ, sử dụng phân bón hóa học và phá rừng)

4. What effects of global warming do they talk about?

(Những ảnh hưởng gì của hiện tượng nóng lên toàn cầu mà họ nói đến?)

=> Climate change allows infectious diseases to spread more easily, contributes to heat related illness and death, has severe impacts on water supplies, threatens food production and upset ecological balance.

(Thay đổi khí hậu làm cho những căn bệnh truyền nhiễm lây lan một cách dễ dàng hơn, gây nên những căn bệnh liên quan đến nhiệt, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc cung cấp nước, đe dọa sản xuất lương thực và phá vỡ sự cân bằng của hệ sinh thái)

5. According to Lan, what do people need to change to reduce their carbon footprint?

(Theo Lan, mọi người nên làm gì để giảm chất thải carbon?)

=> They should change their daily habits

(Họ nên thay đổi thói quen hàng ngày)

6. Can you add some more causes and effects of global warming besides those mentioned in the conversation?

(Ngoài những gì đã nêu trên, em có thể thêm một vài nguyên nhân và ảnh hưởng của hiện tượng nóng lên toàn cầu không?)

=> Causes:

- Many developing countries are becoming industrialized
- Cheap air travel is allowing more people to fly

Effects:

- We can expect more severe weather conditions
- Sea level will rise

(Nguyên nhân:

- Nhiều quốc gia đang phát triển đang trở nên công nghiệp hóa*
- Hàng không giá rẻ cho phép nhiều người có thể đi lại bằng máy bay*

Ảnh hưởng

- Có thể sẽ có nhiều điều kiện thời tiết khắc nghiệt hơn xảy ra*
- Mực nước biển sẽ tăng)*

3. Read the conversation again. Match the words and phrases with their definitions.

(Hãy đọc lại đoạn hội thoại. Ghép từ hoặc cụm từ với các định nghĩa.)

1. greenhouse gas	a. an increase in the average temperature of the earth's atmosphere
2. climate change	b. the amount of carbon dioxide released into the atmosphere
3. emission	c. a gas in the atmosphere that traps heat above the earth
4. carbon footprint	d. a gas or other substance which is sent out into the air
5. global warming	e. an illness that can be passed from one person to another, especially through the air people breathe
6. infectious disease	f. poor health resulting from extreme heat
7. ecological balance	g. a long-term change in the earth's weather due to changes in the atmosphere
8. heat-related illness	h. a stable ecosystem in which a large number of species live together

Đáp án:

1-c	2-g	3-d	4-b
5-a	6-e	7-h	8-f

1. greenhouse gas - c. a gas in the atmosphere that traps heat above the earth

(khí gây hiệu ứng nhà kính - một loại khí trong bầu khí quyển trên trái đất)

2. climate change - g. a long-term change in the earth's weather due to changes in the atmosphere

(thay đổi khí hậu - một sự thay đổi lâu dài về thời tiết của trái đất do sự thay đổi trong khí quyển)

3. emission - d. a gas or other substance which is sent out into the air

(khí thải - khí hoặc chất khác được đưa ra ngoài không khí)

4. carbon footprint - b. the amount of carbon dioxide released into the atmosphere

(dấu vết carbon - lượng khí cacbonic thải ra vào khí quyển)

5. global warming - a. an increase in the average temperature of the earth's atmosphere

(sự nóng lên toàn cầu - tăng nhiệt độ trung bình của bầu khí quyển trái đất)

6. infectious disease - e. an illness that can be passed from one person to another, especially through the air people breathe

(bệnh truyền nhiễm - một căn bệnh có thể lây truyền từ người này sang người khác, đặc biệt là qua hô hấp)

7. ecological balance - h. a stable ecosystem in which a large number of species live together

(cân bằng sinh thái - một hệ sinh thái ổn định trong đó một số lượng lớn các loài sống cùng nhau)

8. heat-related illness - f. poor health resulting from extreme heat

(bệnh liên quan đến nhiệt nóng - sức khỏe kém do nhiệt độ quá cao)

4. Find the sentences with the structure having + past participle in the conversation and write them in the spaces below.

(Tìm những câu có cấu trúc having + past participle trong đoạn hội thoại trên và viết lại bên dưới.)

Gợi ý:

- In the past, a lot of industries denied having contributed to global warming.

- Having treated the environment irresponsibly, humans now have to suffer the effects of global warming.

Hướng dẫn dịch:

- *Trước đây, rất nhiều ngành công nghiệp đã bị từ chối vì đã góp phần làm nóng lên toàn cầu.*

- *Có trách nhiệm đối với môi trường vô trách nhiệm, con người bây giờ phải chịu ảnh hưởng của sự nóng lên toàn cầu.*

